

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 được giao			Lũy kế bổ trí đến năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024				Giải ngân đến hết 30/9/2024	Tỷ lệ giải ngân đến hết 30/9/2024 (%)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó: NSDP		Tăng			Giảm	Tổng số	Trong đó: NSDP				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước						Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	8	9	10	13	14	15		31	32											41
	TỔNG SỐ		9.590.806	5.692.005	6.117.509	7.000	0	1.681.499	1.313.872	1.313.872	0	0	531.828	70	73.863	73.863	1.313.872	1.313.872	0	27.673	
A	Dẫn tư từ nguồn thu sử dụng đất		3.619.500	3.234.338	3.055.662	0	0	282.891	500.000	500.000	0	0	42.297	1	0	0	500.000	500.000	0	0	
1)	Dự án chuyển tiếp từ giải đoạn 2016-2020 sang giải đoạn 2021-2025		1.410.000	1.221.838	1.043.162	0	0	282.891	410.083	410.083	0	0	32.297	0	0	0	410.083	410.083	0	0	
2	Giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư theo quy hoạch chi tiết Cảng hàng không Điện Biên giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (để thực hiện dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên)	799/QĐ-UBND 14/8/2020	1.100.000	1.100.000	855.000			211.200	350.000	350.000			32.297	9%	0	0	350.000	350.000			
3	Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m	106/QĐ-UBND 13/02/2017, 3407/QĐ-UBND 31/12/2021	310.000	121.838	188.162			71.691	60.083	60.083				0%	0	0	60.083	60.083			
2)	Dự án khởi công mới trong giải đoạn 2021-2025		2.209.500	2.012.500	2.012.500	0	0	0	89.917	89.917	0	0	10.000	1	0	0	89.917	89.917	0	0	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giải đoạn 2021-2025		322.500	175.500	175.500	0	0	0	67.888	67.888	0	0	10.000	1	0	0	67.888	67.888	0	0	
1	Dự án Xây dựng Tháo trường khu vực hướng Tây Quận khu 2	3189/QĐ-UBND 06/12/2021	146.000	89.000	89.000			0	41.388	41.388				0%	0	0	41.388	41.388			Đề xuất điều chỉnh giảm 17.122 triệu đồng tại Văn bản số 1903/BC-BCH ngày 11/10/2024 của Bộ chỉ huy
2	Nhà khách tỉnh Điện Biên	669/QĐ-UBND 20/4/2023	150.000	60.000	60.000			0	10.000	10.000			10.000	100%	0	0	10.000	10.000			
3	Dự án: Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã biên giới thuộc Công an huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	2774/QĐ-CAT-PH10 ngày 02/12/2022	13.000	13.000	13.000			0	8.000	8.000				0%	0		8.000	8.000			
4	Dự án: Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã biên giới thuộc Công an huyện Nậm Pồ, Mường Chà, tỉnh Điện Biên	2773/QĐ-CAT-PH10 ngày 02/12/2022	13.500	13.500	13.500			0	8.500	8.500				0%	0		8.500	8.500			
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025		1.887.000	1.837.000	1.837.000	0	0	0	22.029	22.029	0	0	0	0	0	0	22.029	22.029	0	0	
1	Các hạng mục thuộc dự án tổng thể đầu tư xây dựng trung tâm thể dục thể thao tỉnh Điện Biên	2200/QĐ-UBND 01/12/2022	195.000	145.000	145.000			0	6.029	6.029				0%		0	6.029	6.029			Đề xuất điều chỉnh giảm 6.029 triệu đồng do vướng mắc GPMB tại Văn bản số Văn bản số 2712/SVHTTDL-KHTC ngày 11/10/2024
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giao thông nội thị Khu vực Trung tâm chính trị hành chính tỉnh Điện Biên	1047/QĐ-UBND 16/6/2022	200.000	200.000	200.000			0	6.000	6.000				0%	0	0	6.000	6.000			
3	Xây dựng các tòa nhà trụ sở Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH - HĐND - UBND tỉnh		702.000	702.000	702.000			0	5.000	5.000				0%	0	0	5.000	5.000			Đề xuất điều chỉnh giảm 100% vốn tại Báo cáo số 639/BC-BQLDA ngày 11/10/2024)
4	Xây dựng khối nhà các cơ quan, sở ban ngành đoàn thể và Mặt trận tổ quốc tỉnh		790.000	790.000	790.000			0	5.000	5.000				0%	0	0	5.000	5.000			
B	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (bao gồm tiền đất theo NQ 34)		5.818.906	2.321.252	2.943.968	7.000	0	1.339.718	781.872	781.872	0	0	477.004	59	72.248	72.248	781.872	781.872	0	27.673	
1	Dự phòng (10%)		274.950	274.950	224.000	0	0	64.632	71.647	71.647	0	0	31.490	1	6.105	18.000	59.752	59.752	0	0	
1	Dự án: Xây dựng khu, điểm tái định cư Khu trung tâm hành chính chính trị tỉnh Điện Biên	1054/QĐ-UBND 17/6/2022	210.000	210.000	210.000			54.632	67.752	67.752			28.152	42%	0	18.000	49.752	49.752			Tiến độ giải ngân chậm, giám theo nguyên tắc để tăng vốn cho dự án có tỷ lệ giải ngân cao

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 được giao			Lũy kế bố trí đến năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024				Giải ngân đến hết 30/9/2024	Tỷ lệ giải ngân đến hết 30/9/2024 (%)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó: NSDP		Tăng			Giảm	Tổng số	Trong đó: NSDP				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước						Thanh toán nợ XDCB				
2	Sửa chữa Sân vận động tỉnh Điện Biên	569/QĐ-UBND ngày 04/4/2023	14.000	14.000	14.000			10.000	3.895	3.895			3.338	86%	105	0	4.000	4.000		Thanh toán nợ khối lượng theo đề nghị của Chủ đầu tư tại Văn bản số 2712/SVHTTDL-KHTC ngày 11/10/2024	
3	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã thuộc Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	1381/QĐ-CAT-PI110 ngày 18/5/2024	12.000	12.000											1.500		1.500	1.500			
4	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã thuộc Công an các huyện Điện Biên, Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	1383/QĐ-CAT-PI110 ngày 18/5/2024	12.000	12.000											1.500		1.500	1.500			
5	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã thuộc Công an các huyện Tòa Chùa, Tuần Giáo và Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	1382/QĐ-CAT-PI110 ngày 18/5/2024	14.950	14.950											1.500		1.500	1.500			
6	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã thuộc Công an các huyện Mường Chà, Nậm Pồ và Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên	1384/QĐ-CAT-PI110 ngày 18/5/2024	12.000	12.000											1.500		1.500	1.500			
II	Bổ sung từ NSDP cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện quản lý		0	0	1.008.369	7.000	0	545.772	193.447	193.447	0	0	129.711	7	0	0	193.447	193.447	0	0	
1	Thành phố Điện Biên Phủ				106.921			57.870	20.512	20.512			19.430	95%	0	0	20.512	20.512			
2	Huyện Điện Biên				130.113			70.423	24.961	24.961			8.115	33%	0	0	24.961	24.961			
3	Huyện Tuần Giáo				125.336			67.837	24.045	24.045			20.904	87%	0	0	24.045	24.045			
4	Huyện Điện Biên Đông				109.687			59.367	21.042	21.042			11.820	56%	0	0	21.042	21.042			
5	Huyện Mường Ảng				82.506	7.000		44.656	15.828	15.828			12.969	82%	0	0	15.828	15.828			
6	Huyện Mường Nhé				107.140			57.989	20.554	20.554			14.310	70%	0	0	20.554	20.554			
7	Huyện Mường Chà				103.085			55.794	19.776	19.776			18.117	92%	0	0	19.776	19.776			
8	Huyện Tòa Chùa				93.875			50.809	18.009	18.009			6.223	35%	0	0	18.009	18.009			
9	Huyện Nậm Pồ				115.441			62.482	22.146	22.146			12.167	55%	0	0	22.146	22.146			
10	Thị xã Mường Lay				34.265			18.546	6.574	6.574			5.657	86%	0	0	6.574	6.574			
III	NSDP cấp tỉnh quản lý		5.543.956	2.046.302	1.711.599	0	0	729.314	516.778	516.778	0	0	315.803	51	66.143	54.248	528.673	528.673	0	27.673	
III.1	Trả phí vay, lãi vay, vay lại (bao gồm cả bội chi NSDP)				95.200			152.432	75.000	75.000			14.525		0	0	75.000	75.000			
1	Trả lãi vay				16.000			36.150							0	0					
2	Vay do trả nợ gốc (vay lại)				78.100			22.682	9.600	9.600					0	0	9.600	9.600			
3	Vay do bù đắp bội chi (bội chi NSDP)				1.100			93.600	65.400	65.400			14.525		0	0	65.400	65.400			
III.2	Thu hồi vốn đã tạm ứng NSTW							0							0	0					
III.3	Dự án phân theo ngành/tỉnh vực		5.543.956	2.046.302	1.616.399	0	0	576.882	441.778	441.778	0	0	301.278	51	66.143	54.248	453.673	453.673	0	27.673	
(1)	Ngành/tỉnh vực: Quốc phòng		63.500	63.500	63.000	0	0	32.600	25.533	25.533	0	0	21.166	3	0	833	24.700	24.700	0	0	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		63.500	63.500	63.000	0	0	32.600	25.533	25.533	0	0	21.166	3	0	833	24.700	24.700	0	0	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		53.000	53.000	53.000	0	0	31.600	20.533	20.533	0	0	17.309	2	0	833	19.700	19.700	0	0	
3	Trận địa phòng không và các hạng mục bổ trợ trong khu căn cứ chiến đấu tỉnh Điện Biên	642/QĐ-UBND 23/11/2021	8.000	8.000	8.000			7.600	357	357			254	71%	0	0	357	357			
4	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp Nhà ăn nhà bếp, hạ tầng cấp, thoát nước mạng ngoài cơ quan Bộ CHQS tỉnh	2063/QĐ-UBND 15/11/2021	6.000	6.000	6.000			2.200	3.637	3.637			2.658	73%	0	217	3.420	3.420		Giảm trừ khối lượng, thuế VAT	
5	Kho tàng chứng, vật chứng, hạ tầng phụ trợ Bộ CHQS tỉnh	2062/QĐ-UBND 15/11/2021	4.000	4.000	4.000			3.800	191	191				0%	0	168	23	23		Giảm trừ khối lượng, thuế VAT	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 được giao			Lượt kế bỏ từ đến năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024				Giải ngân đến hết 30/9/2024	Tỷ lệ giải ngân đến hết 30/9/2024 (%)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó: NSDP					Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: NSDP			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB						Tổng số	Trong đó:		
																			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
6	Dự án rà phá bom mìn vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Điện Biên	2045/QĐ-UBND 11/11/2021	35.000	35.000	35.000			18.000	16.348	16.348		14.397	88%	0	448	15.900	15.900			Giảm trừ khối lượng, thuế VAT	
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025		10.500	10.500	10.000	0	0	1.000	5.000	5.000	0	3.857	1	0	0	5.000	5.000	0	0		
1	Xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch cho khu vực Đoàn bộ Đoàn 379 và các hộ dân trên địa bàn đóng quân	1499/QĐ-UBND 14/9/2023	10.500	10.500	10.000			1.000	5.000	5.000		3.857	77%		0	5.000	5.000				
(2)	Ngành/Tỉnh vực: An ninh, trật tự, an toàn xã hội		25.000	25.000	24.652	0	0	18.400	6.234	6.234	0	2.265	2	0	0	6.234	6.234	0	0		
1)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		25.000	25.000	24.652	0	0	18.400	6.234	6.234	0	2.265	2	0	0	6.234	6.234	0	0		
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		25.000	25.000	24.652	0	0	18.400	6.234	6.234	0	2.265	2	0	0	6.234	6.234	0	0		
1	Nhà làm việc cấu lưu phòng quản lý xuất nhập cảnh	2061/QĐ-UBND 16/11/2021	7.000	7.000	7.000			5.400	1.590	1.590		1.418	89%	0	0	1.590	1.590				
2	Dự án: Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã biên giới thuộc Công an huyện Điện Biên, Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	2772/QĐ-CAT- PH10 ngày 02/12/2022	14.000	14.000	13.800			10.000	3.797	3.797			0%	0	0	3.797	3.797				
3	Dự án: Trụ sở làm việc Công an xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	2771/QĐ-CAT- PH10 ngày 02/12/2022	4.000	4.000	3.852			3.000	847	847		847	100%	0	0	847	847				
(3)	Ngành/Tỉnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp		462.200	333.355	267.143	0	0	115.100	80.886	80.886	0	67.499	12	16.371	1.064	96.193	96.193	0	6.737		
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		462.200	333.355	267.143	0	0	115.100	80.886	80.886	0	67.499	12	16.371	1.064	96.193	96.193	0	6.737		
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		412.200	283.355	252.143	0	0	115.100	75.886	75.886	0	67.499	12	16.371	1.064	91.193	91.193	0	6.737		
1	Trường tiểu học số 1 Nà Nhạn, TP ĐBP	613/QĐ-UBND 29/04/2021	14.800	13.512	13.312			13.000	312	312		312	100%	0	0	312	312				
2	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Hoàng Văn Nô, TP ĐBP	597/QĐ-UBND 26/4/2021	12.500	11.000	10.800			10.500	220	220		220	100%	0	0	220	220				
3	Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học trường mầm non Thanh Bình, TP ĐBP	616/QĐ-UBND 27/4/2021	14.000	12.500	12.300			12.000	141	141			0%	0	141					Hết nhiệm vụ chi theo đề nghị tại Báo cáo số 525/BC-UBND ngày 16/10/2024	
4	Xây dựng trường phổ thông DTBT tiểu học Chiềng Sơ, huyện Điện Biên Đông (giai đoạn 1)	2103/QĐ-UBND 02/12/2022	38.000	38.000	37.800			3.000	10.000	10.000		10.000	100%	3.500	0	13.500	13.500			Bổ sung thanh toán KLHT	
5	Trường tiểu học trung tâm huyện Nậm Pồ	1156/QĐ-UBND 28/6/2021	19.000	12.000	11.800			11.300	300	300		85	28%	0	214	86	86			Hết nhiệm vụ chi theo đề nghị của Chủ đầu tư tại Tờ trình số 3115/TTr_UBND ngày 4/10/2024	
6	Nhà bếp, ăn và các hạng mục phụ trợ Trường Cao đẳng nghề Điện Biên	1489/QĐ-UBND 30/12/2020	7.900	7.900	7.700			7.000	680	680			0%	0	0	680	680				
7	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Nà Tấu, TP ĐBP	1509/QĐ-UBND 20/8/2021	10.200	10.200	10.100			9.500	423	423		423	100%	14	0	437	437			BC 2373/SGDDT 30/8/2024; Bổ sung TTKLHT	
8	Bổ sung cơ sở vật chất trường THCS THPT Quyết Tiến, huyện Tủa Chùa	1931/QĐ-UBND 17/10/2022	14.500	14.500	14.500			6.510	5.000	5.000		4.200	84%	0	0	5.000	5.000				
9	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên	1957/QĐ-UBND 30/11/2023	20.000	20.000	20.000			200	12.000	12.000		9.517	79%	6.000	0	18.000	18.000			Bổ sung thanh toán KLHT	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 được giao			Lũy kế bố trí đến năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024				Giải ngân đến hết 30/9/2024	Tỷ lệ giải ngân đến hết 30/9/2024 (%)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó: NSDP					Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: NSDP			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB						Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
10	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên Đông	1922/QĐ-UBND 14/10/2022	14.500	14.500	14.500			5.700	5.000	5.000			4.391	88%	0	0	5.000	5.000			
11	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT THPT huyện Tủa Chùa	3017/QĐ-UBND 22/11/2021	9.800	9.800	9.800			8.500	1.174	1.174			966	82%	0	161	1.013	1.013		BC 2373/SGĐĐT 30/8/2024; Hết nhiệm vụ chi	
12	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học số 2 Nà Tấu, Thành phố Điện Biên Phủ	3069/QĐ-UBND 29/11/2021	14.500	14.500	14.500			8.400	5.700	5.700			5.700	100%	120	0	5.820	5.820		Theo đề nghị của Chủ đầu tư tại Báo cáo số 525/BC-UBND ngày 16/10/2024	
13	Trường phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ	1032/QĐ-UBND 24/10/2019	46.000	23.000	14.848			14.490	358	358			193	54%	0	164	194	194		Hết nhu cầu vốn (Báo cáo số 639/BC-BQLDA ngày 11/10/2024 của Ban QLDA các công trình dân dụng)	
14	Xây dựng trường PTDT bán trú tiểu học xã Mường Đư, huyện Tủa Chùa	3227/QĐ-UBND 14/12/2021	22.400	20.000	20.000			5.000	8.000	8.000			8.000	100%	0	0	8.000	8.000			
15	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT tỉnh Điện Biên	1678/QĐ-UBND ngày 14/9/2021	80.000	26.868	26.868			0	20.000	20.000			17.468	87%	0	0	20.000	20.000		LG CTMTQG	
16	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT huyện Mường Chá	1650/QĐ-UBND ngày 03/9/2021	19.300	1.000	1.000			0	1.000	1.000			445	44%	0	384	616	616		BC 2373/SGĐĐT 30/8/2024; Hết nhu cầu vốn	
17	Trường PTDT bán trú tiểu học số 1 xã Mường Teong, huyện Mường Nhé	1117/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	25.000	15.000	5.578			0	5.578	5.578			5.578	100%	0	0	5.578	5.578		LG CTMTQG	
18	Bổ sung, nâng cấp Trường THCS Võ Nguyên Giáp xã Pá Khoang	3389/QĐ-UBND 31/12/2021	14.900	12.958	1.942										1.942		1.942	1.942	1.942	LG CTMTQG; Bố trí thành toán dứt điểm dự án hoàn thành	
2	Bổ sung, nâng cấp trường THCS xã Nà Tấu	3206/QĐ-UBND 10/12/2021	14.900	6.117	4.795										4.795		4.795	4.795	4.795	LG CTMTQG;	
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025		50.000	50.000	15.000	0	0	0	5.000	5.000	0	0	0	0	0	0	5.000	5.000	0	0	
1	Xây dựng nhà lớp học 7 tầng + Thư viện Trường Chính trị tỉnh Điện Biên	77/QĐ-UBND 16/1/2024	50.000	50.000	15.000			0	5.000	5.000				0%	0	0	5.000	5.000			
(4)	Ngành/lĩnh vực: Khoa học và công nghệ		29.380	29.380	20.900	0	0	12.299	3.429	3.429	0	0	1.827	1	0	211	3.218	3.218	0	0	
1)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		29.380	29.380	20.900	0	0	12.299	3.429	3.429	0	0	1.827	1	0	211	3.218	3.218	0	0	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		17.000	17.000	16.600	0	0	12.299	3.229	3.229	0	0	1.827	1	0	11	3.218	3.218	0	0	
1	Xây dựng trụ sở Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	3011/QĐ-UBND 19/11/2021	10.000	10.000	9.800			9.400	229	229				0%	0	11	218	218		Dự án đã hoàn thành điều chỉnh giảm theo đề xuất tại Văn bản số 1294/SKHCN-VP ngày 10/10/2024	
2	Đầu tư trang thiết bị Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Điện Biên	2175/QĐ-UBND 25/11/2022	7.000	7.000	6.800			2.899	3.000	3.000			1.827	61%	0	0	3.000	3.000			
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025		12.380	12.380	4.300	0	0	0	200	200	0	0	0	0	0	200	0	0	0	0	
1	Đầu tư thiết bị Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh Điện Biên	2111/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	12.380	12.380	4.300			0	200	200				0%	0	200				Chậm thủ tục CBĐT, điều chỉnh trung hạn chuyển tiếp đầu tư giai đoạn 2026-2030	
(5)	Ngành/lĩnh vực: Y tế, dân số và gia đình		400.360	118.448	107.809	0	0	32.592	45.563	45.563	0	0	22.315	5	0	194	45.369	45.369	0	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 được giao			Lũy kế bố trí đến năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024				Giải ngân ngân sách đến hết 30/9/2024	Tỷ lệ giải ngân đến hết 30/9/2024 (%)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó: NSDP					Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: NSDP			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB						Tổng số	Trong đó:		
																			Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		131.695	25.000	25.000	0	0	0	15.000	15.000	0	0	0	0	0	0	15.000	15.000	0	0	
2	Giai đoạn II - Cải tạo nâng cấp DVDK (tính giai đoạn II (từ 300 lên 500 GB)	1343/QĐ-UBND 9/11/2010; 1114/QĐ-UBND 30/10/2017; 489/QĐ-UBND 27/5/2020; 1206/QĐ-UBND 19/11/2020; QĐ 648/QĐ-UBND 10/4/2022	131.695	25.000	25.000			0	15.000	15.000				0%	0		15.000	15.000			Được điều chỉnh tăng vốn tháng 7/2024 tại kỳ họp HĐND tỉnh giữa năm 2024
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		268.665	93.448	82.809	0	0	32.592	30.563	30.563	0	0	22.315	5	0	194	30.369	30.369	0	0	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		268.665	93.448	82.809	0	0	32.592	30.563	30.563	0	0	22.315	5	0	194	30.369	30.369	0	0	
1	Sửa chữa TTYT huyện Tuần Giáo	1420/QĐ-UBND 16/12/2020	6.000	6.000	5.800			5.500	272	272			198	73%	0	74	198	198			Dự án đã quyết toán hoàn thành theo đề nghị của Chủ đầu tư tại Văn bản số 508/BC-SYT ngày 11/10/2024
2	Sửa chữa TTYT huyện Tủa Chùa	1421/QĐ-UBND 16/12/2020	6.000	6.000	5.800			5.500	293	293			219	75%	0	74	219	219			
3	Sửa chữa TTYT huyện Mường Chà	1422/QĐ-UBND 16/12/2020	10.000	10.000	9.800			9.300	162	162			116	71%	0	46	116	116			
6	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay và viện trợ không hoàn lại của ADB trên địa bàn tỉnh Điện Biên	6689/QĐ-BYT 02/11/2018 3826/QĐ-BYT 28/6/2019	160.665	15.433	15.433			6.173	3.000	3.000			857	29%	0	0	3.000	3.000			
7	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Điện Biên Đông	1123 /QĐ-UBND ngày 30/6/ 2022	28.000	14.000	13.140			0	12.000	12.000			8.436	70%	0	0	12.000	12.000			LG CTMTQG
8	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé	1124 /QĐ-UBND ngày 30/6/ 2022	30.000	14.015	4.836			0	4.836	4.836			2.891	60%	0	0	4.836	4.836			LG CTMTQG
9	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh	3005/QĐ-UBND 19/11/2021	28.000	28.000	28.000			6.119	10.000	10.000			9.599	96%	0	0	10.000	10.000			
(6)	Ngành/tỉnh vực: Văn hóa, thông tin		20.000	20.000	20.000	0	0	10.400	7.586	7.586	0	0	7.586	1	1.000	0	8.586	8.586	0	0	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		20.000	20.000	20.000	0	0	10.400	7.586	7.586	0	0	7.586	1	1.000	0	8.586	8.586	0	0	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		20.000	20.000	20.000	0	0	10.400	7.586	7.586	0	0	7.586	1	1.000	0	8.586	8.586	0	0	
1	Cải tạo, sửa chữa các công trình; diêm di tích nhằm phục vụ Lễ kỷ niệm 70 năm Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ	880/QĐ-UBND 10/5/2022	20.000	20.000	20.000			10.400	7.586	7.586			7.586	100%	1.000	0	8.586	8.586			Thanh toán dứt điểm theo đề nghị của Chủ đầu tư tại Văn bản số 2712/SVHTTDL-KHTC ngày 11/10/2024
(7)	Ngành/tỉnh vực: Phát thanh, truyền hình, thông tin		1.600	1.600	1.600	0	0	700	895	895	0	0	790	1	0	0	895	895	0	0	
1)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		1.600	1.600	1.600	0	0	700	895	895	0	0	790	1	0	0	895	895	0	0	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		1.600	1.600	1.600	0	0	700	895	895	0	0	790	1	0	0	895	895	0	0	
1	Duy tu sửa chữa tháp an ten truyền hình cao 125m	1410/QĐ-UBND 5/9/2023	1.600	1.600	1.600			700	895	895			790	88%	0	0	895	895			
(8)	Ngành/tỉnh vực: Thể dục thể thao		74.500	39.500	33.922	0	0	2.000	5.500	5.500	0	0	5.000	1	0	500	5.000	5.000	0	0	
1)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		74.500	39.500	33.922	0	0	2.000	5.500	5.500	0	0	5.000	1	0	500	5.000	5.000	0	0	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		74.500	39.500	33.922	0	0	2.000	5.500	5.500	0	0	5.000	1	0	500	5.000	5.000	0	0	
1	Sân vận động huyện Điện Biên	1863/QĐ-UBND 06/10/2022	30.000	15.000	15.000			2.000	5.000	5.000			5.000	100%	0	0	5.000	5.000			
2	Sân vận động huyện Tuần Giáo		44.500	24.500	18.922			0	500	500					0	500	0	0			Dự án vướng GPMB, phần NSDP tỉnh quản lý chuyển tiếp gđ 2026-2030
(9)	Ngành/tỉnh vực: Bảo vệ môi trường							0							0	0					
(10)	Ngành/tỉnh vực: Các hoạt động kinh tế		4.242.376	1.266.975	947.684	0	0	270.891	236.417	236.417	0	0	145.384	18	38.722	51.266	223.923	223.923	0	20.936	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 được giao			Lũy kế bổ tri đến năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024				Giải ngân đến hết 30/9/2024	Tỷ lệ giải ngân đến hết 30/9/2024 (%)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó: NSDP					Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: NSDP			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB						Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
10.1	Nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		502.316	317.416	201.674	0	0	75.527	48.097	48.097	0	0	34.843	5	2.036	1.300	48.833	48.833	0	0	
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		122.500	110.500	79.474	0	0	69.077	6.597	6.597	0	0	4.633	2	2.036	1.300	7.333	7.333	0	0	
1	Thủy lợi Năm Pô xã Nà Hỷ, huyện Mường Nhé (nay là huyện Nậm Pồ)	1119/QĐ-UBND 30/10/2019, 92/QĐ-UBND 18/01/2022	60.000	60.000	49.974			45.177	997	997			997	100%	2.036	0	3.033	3.033			Điều chỉnh tăng trung hạn để thanh toán KLHT
5	Cơ sở hạ tầng các khu bảo tồn tỉnh Điện Biên	1003/QĐ-UBND 03/8/2016, 37/QĐ-UBND 10/01/2018	62.500	50.500	29.500			23.900	5.600	5.600			3.636	65%	0	1.300	4.300	4.300			Điều chỉnh giảm vốn do hết nhu cầu tại Văn bản số Văn bản số 1791/BQLDA-KHKT&CBDA ngày 11/10/2024
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		379.816	206.916	122.200	0	0	6.450	41.500	41.500	0	0	30.210	4	0	0	41.500	41.500	0	0	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		379.816	206.916	122.200	0	0	6.450	41.500	41.500	0	0	30.210	4	0	0	41.500	41.500	0	0	
1	Hệ thống kênh nội đồng công trình hồ Nậm Ngâm - Pá Nhù, huyện Điện Biên Đông	863/QĐ-UBND 28/5/2021	30.000	30.000	26.800			2.000	10.000	10.000			7.867	79%	0	0	10.000	10.000			
2	Kê chống sạt lở khu dân cư, đất sản xuất xã Búng Lao, huyện Mường Ảng	865/QĐ-UBND 28/5/2021	39.800	39.800	35.600			2.000	10.000	10.000			10.000	100%	0	0	10.000	10.000			
3	Kê chống sạt lở suối Huổi Luông, thôn bản Hột, xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa	864/QĐ-UBND 28/5/2021	30.000	30.000	26.800			2.000	10.000	10.000			6.489	65%	0	0	10.000	10.000			
4	Công trình thủy lợi Năm Khẩu Hư, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên (hợp phần thủy lợi)	1327/QĐ-UBND 29/12/2017	273.016	100.116	26.000			450	9.500	9.500			4.353	46%	0	0	9.500	9.500			
5	Thủy lợi khu khối 7, 8 và bản Cò Cỏ xã Ấng Tơ, huyện Mường Ảng	1047/QĐ-UBND 3/7/2023	7.000	7.000	7.000			0	2.000	2.000			1.500	75%	0	0	2.000	2.000			
10.2	Công nghiệp		1.199.000	180.000	128.190	0	0	53.000	53.789	53.789	0	0	27.019	1	0	13.322	40.467	40.467	0	0	
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		1.199.000	180.000	128.190	0	0	53.000	53.789	53.789	0	0	27.019	1	0	13.322	40.467	40.467	0	0	
1	Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên	802/QĐ-UBND 22/10/2014, 660/QĐ-UBND 08/8/2016, 1740/QĐ-TTg 13/2/2019	1.199.000	180.000	128.190			53.000	53.789	53.789			27.019	50%	0	13.322	40.467	40.467			Dự án giải ngân không đạt tiến độ 75%, giảm theo nguyên tắc, nhu cầu còn lại sẽ ghi KH 2025
10.3	Giao thông		2.293.600	561.959	454.342	0	0	74.682	79.281	79.281	0	0	49.888	5	31.736	25.020	85.997	85.997	0	20.936	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		2.293.600	561.959	454.342	0	0	74.682	79.281	79.281	0	0	49.888	5	31.736	25.020	85.997	85.997	0	20.936	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		2.158.600	426.959	445.492	0	0	74.682	78.281	78.281	0	0	49.888	5	31.736	25.020	84.997	84.997	0	20.936	
1	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục QL 279 và QL 12, tỉnh Điện Biên	984/QĐ-UBND 31/5/2021, 1816/QĐ-UBND 06/10/2021, 1728/QĐ-UBND 23/8/2024	1.300.000	320.000	320.000			28.960	31.003	31.003			6.794	22%		24.208	6.795	6.795			Dự án chậm tiếp độ, đã điều chỉnh giảm trung hạn để chuyển tiếp đầu tư gd 2026-2030 (phần vốn NSDP)
3	Đường giao thông lên bản + nội bản điểm ĐCĐC Hồ Huổi Luông A, xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay	990/QĐ-UBND 31/5/2021	19.000	10.500	10.500			10.061	439	439			19	4%	0	340	99	99			Báo cáo 780/BC-UBND ngày 08/10/2024
4	Đường giao thông lên bản + nội bản điểm ĐCĐC Hồ Nậm Cắn, xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay	988/QĐ-UBND 31/5/2021	13.600	3.800	3.800			1.229	2.571	2.571			2.073	81%	0	447	2.124	2.124			Báo cáo 780/BC-UBND ngày 08/10/2024
5	Đường Trung tâm xã Tềnh Phóng (Km1+967) - bản Thăm Nậm, huyện Tuần Giáo	1491/QĐ-UBND 30/12/2020	14.000	10.100	10.000			9.500	200	200			200	100%	300	0	500	500			Thiếu vốn thanh toán KLHT, chủ đầu tư đề xuất điều chỉnh tăng tại Báo cáo số 518/BC-UBND ngày 10/10/2024
7	NC SC đường nội thị, tham BT nhựa 1 số trục đường nội thị thị trấn Điện Biên Đông	748/QĐ-UBND 19/5/2021	13.000	13.000	12.800			10.732	2.068	2.068			1.948	94%	0	25	2.043	2.043			Điều chỉnh số quyết toán

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 được giao			Lũy kế bổ trợ đến năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024				Giải ngân đến hết 30/9/2024	Tỷ lệ giải ngân đến hết 30/9/2024 (%)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó: NSDP					Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: NSDP			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB						Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
11	Cầu Nà Khoa, huyện Nậm Pồ	2180/QĐ-UBND 25/11/2022	39.000	39.000	39.000			14.200	22.000	22.000			18.854	86%	2.000	0	24.000	24.000			
12	Cầu bê tông qua ngã ba suối dưới bản Sen Thượng xã Sen Thượng, huyện Mường Nhé	642/QĐ-UBND 08/4/2022	35.000	24.100	24.100			0	20.000	20.000			20.000	100%	4.000	0	24.000	24.000		Bổ sung tăng KLHT	
13	Dự án Đường Na Sang Km146+200/QL12) - TT. xã Huổi Mí - Nậm Múc (Km452+300/QL6) - Thị trấn Tủa Chùa - Huổi Lóng, tỉnh Điện Biên (Phân đoạn Thị trấn Tủa Chùa - Nậm Múc - Huổi Mí)	591/QĐ-UBND 29/6/2017, 1267/QĐ-UBND, 11/12/2019	690.000		25.292			0							20.936	0	20.936	20.936		20.936 Bỏ trí để thanh toán dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản theo đề nghị của Chủ đầu tư tại Báo cáo số 1463/BC-BCTGT ngày 14/10/2024	
11	Cầu, đường từ khu trung tâm huyện sang khu tái định cư và Trường PTDTNT THPT Nậm Pồ, huyện Nậm Pồ	S4 1715/QĐ-UBND ngày 18/9/2022	35.000	6.459											4.500		4.500	4.500		Lồng ghép CT88; Thanh toán KLHT	
b) Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			135.000	135.000	8.850	0	0	0	1.000	1.000	0	0	0	0	0	0	1.000	1.000	0	0	
2	Nâng cấp tuyến đường từ bản Sen Thượng - Pa Ma - Lò San Chải, huyện Mường Nhé		115.000	115.000	5.850			0	500	500				0%	0	0	500	500		Tiến độ CBĐT chậm	
3	Nâng cấp đường giao thông QL6 - bản Xã Phình 1+2, xã Sá Tồng, huyện Mường Chá		20.000	20.000	3.000			0	500	500				0%	0	0	500	500		Tiến độ CBĐT chậm	
10.4	Khu công nghiệp, khu kinh tế							0							0	0					
10.5	Thương mại		14.500	14.500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.000	0	1.000	1.000	0	0	
1	Nâng cấp chợ trung tâm huyện Mường Ảng	2206/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	14.500	14.500											1.000		1.000	1.000			
10.6	Cấp thoát nước		14.500	14.500	14.500	0	0	6.795	4.000	4.000	0	0	0	0	0	3.000	1.000	1.000	0	0	
1)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		14.500	14.500	14.500	0	0	6.795	4.000	4.000	0	0	0	0	0	3.000	1.000	1.000	0	0	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		14.500	14.500	14.500	0	0	6.795	4.000	4.000	0	0	0	0	0	3.000	1.000	1.000	0	0	
1	Xây dựng hệ thống cấp nước bổ sung của Nhà máy nước huyện Tủa Chùa	2064/QĐ-UBND 18/11/2021	14.500	14.500	14.500			6.795	4.000	4.000				0%	0	3.000	1.000	1.000		Tiến độ giải ngân chậm, giảm theo nguyên tắc để tăng vốn cho dự án có tỷ lệ giải ngân cao	
10.7	Kho tàng							0							0	0					
10.8	Du lịch		13.000	13.000	12.900	0	0	9.587	3.200	3.200	0	0	2.884	1	0	0	3.200	3.200	0	0	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		13.000	13.000	12.900	0	0	9.587	3.200	3.200	0	0	2.884	1	0	0	3.200	3.200	0	0	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		13.000	13.000	12.900	0	0	9.587	3.200	3.200	0	0	2.884	1	0	0	3.200	3.200	0	0	
1	Các hạng mục phụ trợ + thiết bị công trình trung tâm giao lưu và thông tin du lịch Điện Biên Phủ	3044/QĐ-UBND 24/11/2021	13.000	13.000	12.900			9.587	3.200	3.200			2.884	90%	0	0	3.200	3.200			
10.9	Bưu chính, viễn thông							0							0	0					
10.10	Công nghệ thông tin		17.000	17.000	17.000	0	0	1.700	15.000	15.000	0	0	3.147	21%	0	8.000	7.000	7.000	0	0	
1)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		17.000	17.000	17.000	0	0	1.700	15.000	15.000	0	0	3.147	21%	0	8.000	7.000	7.000	0	0	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		17.000	17.000	17.000	0	0	1.700	15.000	15.000	0	0	3.147	21%	0	8.000	7.000	7.000	0	0	
1	Dự án số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Điện Biên	2154/QĐ-UBND 24/11/2022	17.000	17.000	17.000			1.700	15.000	15.000			3.147	21%	0	8.000	7.000	7.000		Tiến độ giải ngân chậm, giảm theo nguyên tắc để tăng vốn cho dự án có tỷ lệ giải ngân cao	
10.11	Quy hoạch		460	460	738	0	0	400	50	50	0	0	50	1	0	0	50	50	0	0	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		460	460	738	0	0	400	50	50	0	0	50	1	0	0	50	50	0	0	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		460	460	738	0	0	400	50	50	0	0	50	1	0	0	50	50	0	0	
2	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp hỗn hợp xã Ảng Tả, huyện Mường Ảng	2789/QĐ-UBND 21/8/2023	460	460	738			400	50	50			50	100%	0	0	50	50			
10.12	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới		188.000	148.140	118.340	0	0	49.200	33.000	33.000	0	0	27.554	6	4.000	624	36.376	36.376	0	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 được giao			Lũy kế bổ tri đến năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024				Giải ngân đến hết 30/9/2024	Tỷ lệ giải ngân đến hết 30/9/2024 (%)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó: NSDP		Tăng			Giảm	Tổng số	Trong đó: NSDP				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước						Thanh toán nợ XDCB				
1	Dự án: Trụ sở Ban quản lý Di tích tỉnh Điện Biên	1227/QĐ-UBND ngày 4/8/2023	14.600	14.600	500										0					Bổ tri vốn chuẩn bị đầu tư cho dự án theo đề nghị tại Văn bản số 2712/S-VHTTDL-KHTC ngày 11/10/2024	
(12)	Ngành/Lĩnh vực: Xã hội		9.500	9.500	9.500	0	0	8.000	1.487	1.487	0	0	1.485	1	0	2	1.485	1.485	0	0	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		9.500	9.500	9.500	0	0	8.000	1.487	1.487	0	0	1.485	1	0	2	1.485	1.485	0	0	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		9.500	9.500	9.500	0	0	8.000	1.487	1.487	0	0	1.485	1	0	2	1.485	1.485	0	0	
1	Dự án xây dựng Nhà lưu xá sinh viên làng trẻ em SOS Điện Biên Phủ	2093/QĐ-UBND 18/11/2021	9.500	9.500	9.500			8.000	1.487	1.487			1.485	99,9%	0	2	1.485	1.485			Dự án đã hoàn thành, phê duyệt quyết toán DAHT đề xuất điều chỉnh giảm tại Văn bản số 2479/BC-SLĐTBXH ngày 11/10/2024
(13)	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật		39.800	25.039	20.839	0	0	0	15.000	15.000	0	0	13.479	1	1.000	0	16.000	16.000	0	0	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		39.800	25.039	20.839	0	0	0	15.000	15.000	0	0	13.479	1	1.000	0	16.000	16.000	0	0	
a)	Đổi ứng, lồng ghép Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới		39.800	25.039	20.839	0	0	0	15.000	15.000	0	0	13.479	1	1.000	0	16.000	16.000	0	0	
4	Kê bảo vệ khu dân cư, đất sản xuất và công trình công cộng suốt Năm Co, huyện Điện Biên	841/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	39.800	25.039	20.839			0	15.000	15.000			13.479	89,9%	1.000	0	16.000	16.000			Dự án hoàn thành năm 2024, chủ đầu tư đề xuất bổ tri vốn cho dự án tại Văn bản số 1791/BQLDA -KHKT&CBDA ngày 11/10/2024
C	VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT		152.400	136.415	117.879	0	0	58.890	32.000	32.000	0	0	12.526	9	1.615	1.615	32.000	32.000	0	0	
1	Ngành/Lĩnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp		39.000	39.000	39.000	0	0	25.092	13.288	13.288	0	0	4.655	2	0	347	12.941	12.941	0	0	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		39.000	39.000	39.000	0	0	25.092	13.288	13.288	0	0	4.655	2	0	347	12.941	12.941	0	0	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		39.000	39.000	39.000	0	0	25.092	13.288	13.288	0	0	4.655	2	0	347	12.941	12.941	0	0	
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Mường Luán, huyện Điện Biên Đông	3018/QĐ-UBND 22/11/2021	11.000	11.000	11.000			10.500	454	454			50	11,1%	0	231	223	223			BC 2373/SGDĐT 30/8/2024; Hết nhiệm vụ chi
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường THCS THPT Quải Tờ, huyện Tuần Giáo	2999/QĐ-UBND 18/11/2021	10.000	10.000	10.000			7.350	2.634	2.634			2.479	94,1%	0	116	2.518	2.518			BC 2373/SGDĐT 30/8/2024; Hết nhiệm vụ chi
5	Bổ sung cơ sở vật chất trường CD Sư phạm	2058/QĐ-UBND 09/11/2022	8.000	8.000	8.000			4.642	3.200	3.200			2.126	66,5%	0	0	3.200	3.200			
6	Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất thực hành nghề, trường Cao đẳng Nghề	2146/QĐ-UBND 22/11/2022	10.000	10.000	10.000			2.600	7.000	7.000				0,0%	0	0	7.000	7.000			Đã giải ngân trong tháng 10
11	Ngành/Lĩnh vực: Y tế		85.900	69.915	65.079	0	0	33.798	18.712	18.712	0	0	7.871	7	715	1.268	18.159	18.159	0	0	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		85.900	69.915	65.079	0	0	33.798	18.712	18.712	0	0	7.871	7	715	1.268	18.159	18.159	0	0	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		85.900	69.915	65.079	0	0	33.798	18.712	18.712	0	0	7.871	7	715	1.268	18.159	18.159	0	0	
1	Trạm Y tế Thị trấn Mường Chá	2091/QĐ-UBND 18/11/2021	5.000	5.000	5.000			4.500	358	358			290	81,0%	0	50	308	308			Hết nhu cầu sử dụng theo đề nghị của Chủ đầu tư tại Văn bản số 508/BC-SYT ngày 11/10/2024
2	Trạm Y tế xã Thanh An, huyện Điện Biên	3003/QĐUBND 19/11/2021	5.000	5.000	5.000			1.100	3.814	3.814			2.444	64,1%	0	0	3.814	3.814			
4	Nâng cấp, sửa chữa 3 trạm y tế xã Mường Pồn, Pôn Lát huyện Điện Biên và xã Nà Nìu TP. Điện Biên Phủ	3004/QĐUBND 19/11/2021	5.700	5.700	5.700			4.000	1.632	1.632			1.480	90,7%	0	152	1.480	1.480			Dự án đã quyết toán hoàn thành theo đề nghị của Chủ đầu tư tại Văn bản số 508/BC-SYT ngày 11/10/2024

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 được giao			Lũy kế bổ trí đến năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024				Giải ngân đến hết 30/9/2024	Tỷ lệ giải ngân đến hết 30/9/2024 (%)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó: NSDP					Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: NSDP			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB						Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
5	Nâng cấp, sửa chữa 4 trạm y tế xã Chiềng Sinh, Nà Sáy, Quải Nưa, Ta Ma huyện Tuần Giáo	2036/QĐUBND 04/11/2022	7.600	7.600	7.600			2.200	1.000	1.000		1.000	100,0%	134	0	1.134	1.134			Thực đề nghị của Chủ đầu tư tại Văn bản số 508/BC-SYT ngày 11/10/2024	
6	Nâng cấp, sửa chữa 3 trạm y tế xã Xa Dung, Pà Hồng, Noong U huyện Điện Biên Đông	3001/QĐ-UBND 19/11/2021	5.000	5.000	5.000			4.500	500	500		434	86,8%	0	66	434	434			Dự án đã quyết toán hoàn thành theo đề nghị của Chủ đầu tư tại Văn bản số 508/BC-SYT ngày 11/10/2024	
8	Nâng cấp, sửa chữa 4 trạm y tế xã Ngòi Cáy, Ấng Nưa, Mường Dăng, Mường Lạn huyện Mường Ảng	1921/QĐUBND 14/10/2022	7.600	7.600	7.600			2.200	1.000	1.000		855	85,5%	581	0	1.581	1.581			Theo đề nghị của Chủ đầu tư tại Văn bản số 508/BC-SYT ngày 11/10/2024	
9	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất các khoa phòng của trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh và trụ sở làm việc của Sở Y tế	2039/QĐUBND 19/11/2021	12.000	12.000	12.000			8.048	3.926	3.926		696	17,7%	0	0	3.926	3.926				
10	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Trung tâm Pháp y tỉnh Điện Biên	2090/QĐUBND 18/11/2021	6.500	6.500	6.500			6.000	474	474		474	100,0%			474	474				
11	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé	Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 20/6/2022	30.000	14.015	9.179			0	5.810	5.810			0,0%		1.000	4.810	4.810			Giải ngân không đạt ước độ; Lồng ghép CTMTQG	
12	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế phường Hầm Lam TP Điện Biên Phủ	1884/QĐUBND 10/10/2022	1.500	1.500	1.500			1.250	198	198		198	100,0%			198	198				
III	Ngành/tĩnh vực: Khoa học công nghệ							0													
IV	Các nhiệm vụ trọng tâm thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới		27.500	27.500	13.800	0	0	0	0	0	0	0	0	900	0	900	900	0	0		
1)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		27.500	27.500	13.800	0	0	0	0	0	0	0	0	900	0	900	900	0	0		
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		13.000	13.000	13.000	0	0	0	0	0	0	0	0	600	0	600	600	0	0		
1	Đường giao thông bản Kéo, xã Pá Khoang, TP ĐBP	719/QĐ-UBND 10/04/2024	4.950	4.950	4.950									200		200	200				
2	Đường giao thông bản Hà, Xã Pá Khoang, TP ĐBP	724/QĐ-UBND 11/04/2024	4.500	4.500	4.500									200		200	200				
3	Đường giao thông bản Bó, Xã Pá Khoang, TP ĐBP	718/QĐ-UBND 10/04/2024	3.550	3.550	3.550									200		200	200				
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025		14.500	14.500	800	0	0	0	0	0	0	0	0,0%	300	0	300	300	0	0		
1	Nâng cấp chợ trung tâm huyện Mường Ảng	2206/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	14.500	14.500	800									300		300	300				